

Số: /UBND-NC

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 6 năm 2019

V/v đăng ký giao ước thi đua
năm 2019 của tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi:

- Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương;
- Cụm thi đua các tỉnh Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung.

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-TĐTN&DHMT ngày 28/5/2019 của Cụm trưởng Cụm thi đua các tỉnh Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và bình xét thi đua của Cụm thi đua các tỉnh Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung; UBND tỉnh Quảng Ngãi đăng ký giao ước thi đua năm 2019 như sau:

Nội dung I: Các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh (550 điểm):

TT	Tiêu chí thi đua	ĐVT	Điểm chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Điểm đăng ký
1	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	100	20.000		100
2	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	%	40	6,5-7,0		40
3	Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	40	560		40
4	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	40	63,0		40
5	Tỷ lệ hộ nghèo	%	20	-1,6		20
6	Giải quyết việc làm	Người	20	40.500		20
7	Tỷ suất sinh	‰	20	0,2		20
8	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm	xã	20	18		20

9	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	20	60,74		20	
10	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	20	84,8		20	
11	Công tác quân sự địa phương.	%	30	100		30	
12	Giảm tai nạn giao thông trên cả 3 mặt so với năm 2018 (theo số liệu tổng hợp báo cáo của Ủy ban ATGT quốc gia)	%	40			40	
	- Số vụ	%	10			10	
	- Số người chết	%	15			15	
	- Số người bị thương	%	15			15	
13	Công tác đảm bảo vệ sinh, môi trường, quản lý tài nguyên trên địa bàn	%	40			40	
	Tỷ lệ độ che phủ rừng (tính cả cây phân tán, cao su, điều)	%	15	51,9		15	
	Tỷ lệ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	15	93		15	
	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch (đối với 5 tỉnh Tây Nguyên) và Tỷ lệ Khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (đối với 5 tỉnh Duyên hải Miền Trung)	%	10	100		10	
Tiêu chí thi đua		Điểm chuẩn					
		Xuất sắc	Tốt	Trung bình	Còn lại		Điểm đăng ký
14	Chỉ số cải cách hành chính PAR Index		20	15	10	5	20
15	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI		20	15	10	5	20

16	Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh PAPI	20	15	10	5	20
17	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí	20	15	10		20
18	Đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn	Điểm chuẩn				
		Cờ Chính phủ	Cờ Bộ Công an	Bằng khen Bộ Công an	Còn lại	Điểm đăng ký
		20	15	10	5	20
Tổng số điểm		550				550

Nội dung II: Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị (200 điểm)

Tiêu chí thi đua		Điểm chuẩn			Điểm đăng ký
		Xuất sắc	Tốt	Trung bình	
1	Có biện pháp hiệu quả trong việc tổ chức học tập, quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước	40	30	20	40
2	Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Trung ương	40	20	15	40
	- Về tinh giản biên chế	15	10	5	15
	- Về kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của BCH TW	15	10	5	15
	- Về kế hoạch triển khai và kết quả thực hiện năm "Dân vận chính quyền"	10		5	10

3	Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"	40	30	20	40
4	Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng	40	30	20	40
5	Xây dựng tổ chức đoàn thể cấp tỉnh vững mạnh, xuất sắc	40	30	20	40
Tổng số điểm		200			200

Nội dung III: Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng (200 điểm)

Tiêu chí thi đua		Điểm chuẩn		Điểm đăng ký
1	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác thi đua, khen thưởng	20		20
a	Triển khai kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương về công tác thi đua khen thưởng:			
-	Ban hành Chỉ thị, Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh kèm theo kế hoạch tổ chức thực hiện, Nghị quyết chỉ đạo thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.	1		1
-	Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng kịp thời đúng quy định của Luật, Nghị định, Thông tư.	1		1
-	Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh.	1		1
-	Thường xuyên củng cố, kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và bổ sung Quy chế hoạt động phù hợp với Luật Thi đua, Khen thưởng.	2		2

-	Hướng dẫn thành lập và hoạt động của Hội đồng các cấp.	1			1
-	Phân công thành viên Hội đồng trực tiếp phụ trách các đơn vị và Khối, Cụm thi đua.	2			2
b	Công tác kiểm tra, giám sát:				
-	Báo cáo kết quả thực hiện công tác giám sát của Hội đồng (số cuộc giám sát, số đơn vị được giám sát)	5			5
-	Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm tra của Ban Thi đua - Khen thưởng (nội dung, số đơn vị được kiểm tra).	5			5
c	Xây dựng quy chế của Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh để đánh giá ảnh hưởng của sáng kiến trong phạm vi toàn tỉnh, toàn quốc.	1			1
d	Có hướng dẫn công nhận sáng kiến ở cơ sở theo hướng dẫn của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến.	1			1
2	Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua	60			60
a	Triển khai, thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do Trung ương phát động (03 phong trào do Thủ tướng phát động).				
-	Phong trào “Doanh nghiệp VN hội nhập và phát triển”	10			10
+	Có ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (3 đồng hành, 5 hỗ trợ).	5			5
+	Sơ kết, tổng kết, đánh giá, bình xét thi đua và khen thưởng kịp thời.	2			2
+	Có số doanh nghiệp tăng so với năm trước.	3			3
-	Phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”	10			10
+	100% các Sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố có Kế hoạch tổ chức thực hiện; đề ra nội dung, giải pháp giảm nghèo đặc thù của địa phương mình.	2			2

+	Thực hiện kiểm tra, giám sát thực hiện phong trào đến các Sở ngành, huyện, thị xã, thành phố và đơn vị cơ sở (có báo cáo số cuộc kiểm tra, số đơn vị được kiểm tra, kết quả).	3			3
+	Có sơ kết, tổng kết, đánh giá, bình xét thi đua và giới thiệu mô hình mới để khen thưởng, nhân rộng.	5			5
-	Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”:	10			10
+	Có xã đạt chuẩn nông thôn mới tăng so với năm trước (01 xã tăng thêm trong năm được 0,5 điểm, tổng số điểm không quá 5 điểm).	5			5
+	Hàng năm có số xã đạt chuẩn nông thôn kiểu mẫu.	2			2
+	Có cách làm mới trong thực hiện phong trào.	3			3
b	Phát động, triển khai các phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề của tỉnh, thành phố. Mỗi phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt phải có:	30			30
-	Có Kế hoạch, tên gọi, nội dung, chủ đề và tiêu chí thi đua.				
-	Có báo cáo sơ kết, tổng kết, đánh giá, xét khen thưởng kịp thời.				
-	Có điển hình tiêu biểu để các đơn vị học tập.				
	(Mỗi phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề có đủ các tiêu chí nêu trên được 6 điểm; tối đa cho các phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt không quá 30 điểm).				
3	Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến	30			30
-	Có các văn bản chỉ đạo, định hướng và hướng dẫn việc phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến	1			1
-	Có ký kết chương trình phối hợp để tuyên truyền và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến với:				
+	Sở Thông tin - Truyền thông tỉnh.	1			1
+	Đài Phát thanh và Truyền hình.	1			1

+	Báo của địa phương	1			1
+	Các đoàn thể chính trị, xã hội.	1			1
-	Mở các chuyên trang, chuyên mục cụ thể của báo, đài phát thanh, truyền hình hàng tháng, hàng quý để tuyên truyền và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến				
+	Chuyên mục trên Đài Phát thanh và Truyền hình (có báo cáo số lượng cụ thể).	2			2
+	Chuyên trang, chuyên mục trên các báo (có báo cáo số lượng cụ thể).	2			2
+	Tổ chức tuyên truyền trên Công TTĐT của tỉnh (có báo cáo số lượng cụ thể).	2			2
+	Tổ chức tuyên truyền trên trang Web của sở hoặc ban (có báo cáo số lượng cụ thể).	2			2
-	Có nhiều hình thức trong việc tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến:				
+	Tổ chức Hội nghị để biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến (nội dung, số lượng đại biểu).	5			5
+	Có các hình thức tổ chức thi đua cùng các gương điển hình tiên tiến (có kế hoạch, chương trình, kiểm tra, đánh giá...).	3			3
+	Có nhiều gương điển hình tiên tiến cụ thể được biểu dương, tuyên truyền nhân rộng (có báo cáo số lượng cụ thể).	4			4
+	Giới thiệu nhiều gương điển hình tiên tiến về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.	5			5
4	Công tác khen thưởng	40			40
-	Thẩm định hồ sơ khen thưởng đúng qui định pháp luật: 100% hồ sơ trình cấp Nhà nước được duyệt. (Mỗi hồ sơ bị trả lại trừ 0,5 điểm; tổng số điểm trừ không quá 5 điểm)	10			10
-	Có tỷ lệ khen thưởng cấp Nhà nước cho người lao động trực tiếp:				

	Tăng so với năm trước 5%	4		4
	Tăng so với năm trước 10%	6		6
	Tăng so với năm trước 15%	8		8
	Tăng so với năm trước 20%	10		10
-	Khen thưởng cấp tỉnh cho người lao động trực tiếp:			
	Đạt 20% trở lên	4		4
	Đạt 30% trở lên	6		6
	Đạt 40% trở lên	8		8
	Đạt 50% trở lên	10		10
	Đạt 60% trở lên	15		15
-	Có thực hiện tốt việc phát hiện khen thưởng	5		5
5	Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo	5		5
	Giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng qui định và gửi kết quả về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.	5		5
6	Tổ chức bộ máy làm công tác TĐKT và công tác đào tạo, bồi dưỡng	30		30
-	Có tổ chức bộ máy thi đua, khen thưởng theo quy định (Cấp tỉnh, huyện, sở ngành và kiêm nhiệm cấp xã).	10		10
-	Bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng:			
+	Tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn cho đối tượng lãnh đạo quản lý các cấp.	5		5
+	Tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn cho chuyên viên làm công tác thi đua, khen thưởng các Sở, ngành, quận huyện.	5		5
+	Tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn cho chuyên viên làm công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị cơ sở.	5		5
+	Tham gia các lớp bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ do Trung ương tổ chức đầy đủ, đúng thành phần.	5		5
7	Chế độ thông tin báo cáo	15		15
-	Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định.	4		4
-	Triển khai gửi file điện tử kèm theo hồ sơ trình khen kịp thời.	2		2

-	Nộp hồ sơ trình khen thưởng kịp thời (trong vòng 30 ngày kể từ ngày của Tờ trình đến ngày Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương nhận được), đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định.	3			3
-	Nhận và cấp phát hiện vật khen thưởng cấp nhà nước kịp thời, đồng bộ.	3			3
-	Hồ sơ, thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cấp Nhà nước theo đúng quy định.	3			3
	Tổng số điểm	200			200

Tổng số điểm đăng ký của 03 nội dung là 950 điểm, trong đó:

- Nội dung I: 550 điểm;
- Nội dung II: 200 điểm;
- Nội dung III: 200 điểm.

Trên đây là đăng ký giao ước thi đua năm 2019 của tỉnh Quảng Ngãi, kính báo cáo Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương, Cụm thi đua các tỉnh Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung năm 2019 theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Thi đua – Khen thưởng TW;
- UBND các tỉnh TN và DHMT;
- CT, PCT UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Ban TĐ-KT các tỉnh TN và DHMT;
- Sở Nội vụ (BTĐKT tỉnh Quảng Ngãi);
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, NC286.

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng